

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/ DS-ST

Ngày: 18 - 7 - 2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản;

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghi

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Cường

Ông Vũ Đức Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Khánh Trâm - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Quy - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXX-ST ngày 12 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/QĐHPT ngày 30/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Sỹ T - sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: P, xã Đ, huyện H, nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Ông Trần Văn H - sinh năm 1973. (vắng mặt)

Số căn cước công dân: 038073010407

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện H, nay là xã Đ, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 25/3/2025, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê Sỹ T có quan điểm trình bày như sau:

Ngày 14/11/2022 ông Lê Sỹ T đã cho bị đơn ông Trần Văn H vay số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi vay tiền ông H cam kết từ ngày 21/10/2022 đến ngày 21/12/2022 (AL) sẽ có trách nhiệm thanh toán lại cho ông T đầy đủ số tiền vay và thỏa thuận lãi suất bằng miệng. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ không thấy ông H trả, nên ông T đã nhiều lần đôn đốc nhưng ông H vẫn khất lần trả nợ và thậm chí còn bỏ đi làm ăn mà không báo trước cho ông T biết. Nay ông T đề nghị Tòa án giải quyết, buộc ông H phải

có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng và tiền lãi suất 10% năm tính từ ngày quá hạn đến ngày xét xử.

Đối với bị đơn anh Trần Văn H: Quá trình giải quyết vụ án, ông H đã vắng mặt tại nơi cư trú nên không có thông tin lời khai đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa lần hai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày trên và không có ý kiến thay đổi, bổ sung khác.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của đương sự, việc tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468, Điều 469 và Điều 470 của BLDS 2015. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 50.000.000đ và tiền lãi 10% năm = 0,83% tháng x 02 năm 06 tháng và 05 ngày, làm tròn 02 năm 06 tháng, thời gian tính lãi từ ngày 13/01/2023 (DL) đến ngày 18/7/2025.

Về án phí: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện đối với bị đơn về nội dung xác lập giấy vay tiền ngày 14/11/2022 (DL), việc khởi kiện là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của BLTTDS, thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2]. Tại phiên tòa lần hai bị đơn vắng mặt, căn cứ Điều 179, Điều 180 và Điều 227 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Căn cứ giấy vay tiền được xác lập vào ngày 14/11/2022 (DL), có nội dung ông Trần Văn H vay ông Lê Sỹ T số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 21/10/2022 đến ngày 21/12/2022 (AL). Như vậy, nội dung giấy vay tiền giữa ông T và ông H là chứng cứ thực tế, mặc dù ông H vắng mặt trong quá trình giải quyết nhưng giấy vay tiền có đầy đủ chữ ký, chữ viết, thông tin căn cước của bên vay là ông Trần Văn H. Do đó, có cơ sở khẳng định, ông Trần Văn H đã vay số tiền 50.000.000 đồng của ông Lê Sỹ T. Nay ông T khởi kiện yêu cầu ông H trả nợ số tiền nợ gốc trên là có căn cứ. Cần buộc ông Trần Văn H phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ

trả nợ theo quy định tại các Điều 463, khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 470 của BLDS 2015.

[4]. Về lãi suất: Tại giấy vay tiền trên không thể hiện lãi suất, nên không có căn cứ để tính lãi suất 20% trên số tiền vay. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS, trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 tại thời điểm trả nợ. Như vậy, ngày 21/10/2022 là ngày vay và ngày 21/12/2022 (AL) là ngày kết thúc thời hạn; ngày quá hạn được tính từ ngày tiếp theo. Do các bên không có thỏa thuận trả lãi nên lãi suất được tính từ ngày quá hạn 22/12/2022 (AL) tương ứng ngày dương lịch 13/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là 30 tháng lẻ 05 ngày, làm tròn 30 tháng. Nay nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 10% năm (0,83%/) tháng trên số tiền vay là phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[5]. Xét việc vắng mặt của bị đơn: Đối với ông Trần Văn H, từ khi thụ lý vụ án đến ngày mở lại phiên tòa, ông H đều vắng mặt và không ai biết được địa chỉ hiện đang ở đâu. Qua xác minh tại địa phương thì thời điểm ông H vắng mặt là trước tết nguyên đán 2024, nên việc tổng đạt văn bản tố tụng trực tiếp không thể thực hiện được. Để bảo đảm phương thức tổng đạt đối với ông H, Tòa án đã thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 và Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó việc tổng đạt văn bản tố tụng đối với đương sự được coi là hợp lệ.

[6]. Đối với số tiền đăng báo và phát thanh trên sóng VOV nguyên đơn phải nộp theo Điều 180 của BLTTDS.

[7]. Về án phí dân sự có giá ngạch: Buộc ông Trần Văn H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối với số tiền tạm ứng án phí đã nộp được trả lại cho nguyên đơn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2025,

Căn cứ các Điều 275, Điều 280, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Sỹ T, buộc ông Trần Văn H có trách nhiệm trả nợ cho ông Lê Sỹ T số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc, theo giấy vay ngày 14/10/2022 (AL) và 12.500.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng 62.500.000 đồng (sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng)

Về án phí dân sự có giá ngạch: Buộc ông Trần Văn H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 3.120.000 đồng (ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng). Trả lại cho ông T số tiền tạm ứng án phí 1.250.000 đồng, theo biên lai thu số 0003403 ngày 26/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc, nay là Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông T có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án, nếu ông H chậm thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS huyện Hậu Lộc;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS Hậu Lộc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS huyện Hậu Lộc;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS Hậu Lộc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Nghi
TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKS huyện Hậu Lộc;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS Hậu Lộc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Nghi
TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nghi

Nơi nhận:
- VKS huyện Hậu Lộc;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS Hậu Lộc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKS huyện Hậu Lộc;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS Hậu Lộc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Nghi
TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKS huyện Hậu Lộc;
- Đương sự;
- Chi cục THA DS Hậu Lộc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Nghi
TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
THẨM
- Viện KSND khu vực 5 - Thanh Hóa;
TÒA
- Các Đương sự;
- Cơ quan THA DS tỉnh;
- Lưu HS VA.

Nguyễn Văn Nghi

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Văn Nghi